

Dung tích gầu: **0.5 m³**
Công suất động cơ: **67 kW (90 HP)**
Trọng lượng vận hành: **12 200 - 12 800 kg**

Đổi trọng: **2 400 kg**
Chiều dài cần: **4.60 m (Tiêu chuẩn)**
Chiều dài tay đòn: **3.01 m (Tiêu chuẩn)**



**Hình ảnh minh họa có thể chứa một số trang bị tùy chọn.*



- > Hỗ trợ ngôn ngữ tiếng Việt
- > Động cơ kim phun thường, thích hợp điều kiện thị trường Việt Nam
- > Cabin OPG - Thiết kế chống vật liệu rơi
- >  Hệ thống giám sát toàn bộ tình trạng thiết bị từ xa

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ZX130-5G

ĐỘNG CƠ

Model Isuzu CC-4BG1T
Loại 4 kì, làm mát bằng nước, phun trực tiếp
Nạp khí Turbo tăng áp, làm mát trong
Số xi lanh 4
Công suất định mức
ISO 9249, net 67 kW (90 HP) ở 2150 vòng/phút
SAE J1349, net 67 kW (90 HP) ở 2150 vòng/phút
Mô men xoắn cực đại 347 Nm (35.4 kgfm) ở 1600 vòng/phút
Dung tích xi lanh 4.329 lít
Đường kính x Hành trình 105mm x 125mm
Ắc quy 2x 12 V / 55 Ah

HỆ THỐNG THỦY LỰC

Bơm thủy lực
Bơm chính 2 bơm piston hướng trục thay đổi lưu lượng
Lưu lượng tối đa 2 x 116 lít/phút
Bơm điều khiển 1 bơm bánh răng
Lưu lượng tối đa 36.1 lít/phút

Mô tơ thủy lực
Di chuyển 2 mô tơ piston thay đổi được lưu lượng
Quay toa 1 mô tơ piston hướng trục

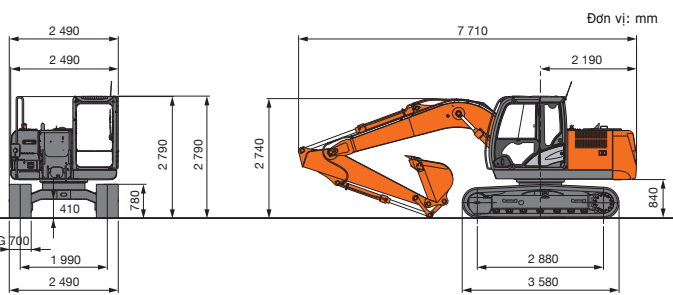
Các xi lanh thủy lực

	Số lượng	Đường kính	Đường kính cán
Cần	2	105 mm	70 mm
Tay đòn	1	115 mm	80 mm
Gầu	1	100 mm	70 mm

KHUNG GẦM

Tốc độ di chuyển Nhanh: 0 đến 5.5 km/h
Chậm: 0 đến 3.3 km/h
Lực phát động di chuyển (max) 117 kN (11 900 kgf)
Khả năng leo dốc 70% (35 độ)

KÍCH THƯỚC



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY VINH PHÚ

MST: 3600437439 www.vitrac.vn www.facebook.com/vitrac.vn 0916 640 680

TRỤ SỞ CHÍNH: Số 990 Xa lộ Hà Nội, KP.2, Bình Đa, Biên Hoà, Đồng Nai
TRUNG TÂM 3S HÀ NỘI: Lô 1, KCN Quang Minh, Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
TRUNG TÂM 3S ĐÀ NẴNG: Thôn Quang Châu, xã Hoà Châu, Hoà Vang, Đà Nẵng
TRUNG TÂM 3S QUẢNG NINH: Km10, Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh
TRUNG TÂM 2S NGHỆ AN: Km20, Đường Trách Vinh, Vinh Tân, Vinh, Nghệ An
TRUNG TÂM 3S CẦN THƠ: Lô 29A, Lê Hồng Phong, KCN Trà Nóc 1, Bình Thủy, Cần Thơ

CẤU TRÚC PHÍA TRÊN

Quay toa
Tốc độ quay toa 13.7 vòng/phút
Mô men quay toa 34 kNm (3 470 kgfm)

Cabin vận hành
Cabin rộng rãi, độc lập, rộng 1005 mm, cao 1675mm

CÁC LỰC XÚC ĐÀO

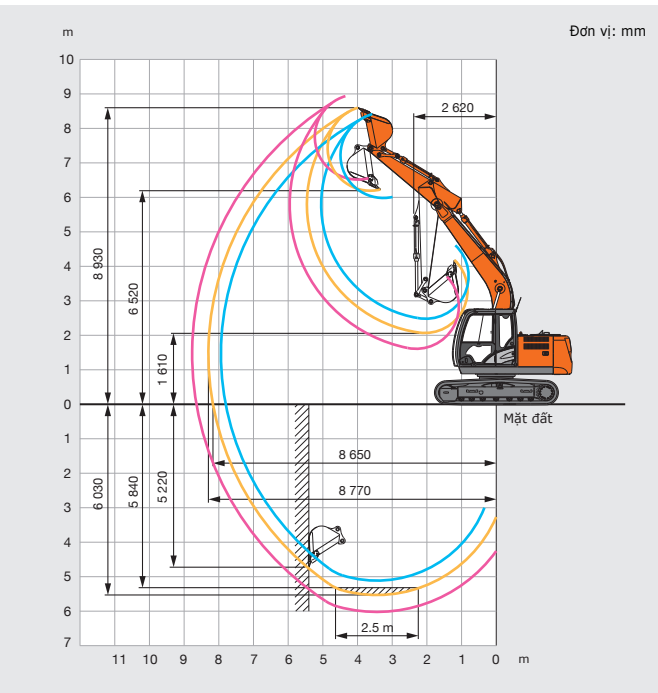
Chiều dài tay đòn	3.01 m
Lực đào của gầu (*ISO)	104 kN (10 600 kgf)
Lực đào của gầu (*SAE: PCSA)	91 kN (9 300 kgf)
Lực của tay nâng (*ISO)	61 kN (6 200 kgf)
Lực của tay nâng (*SAE: PCSA)	60 kN (6 100 kgf)

*Ở chế độ Power Boost.

LƯỢNG NHỚT BẢO DƯỠNG

Thùng nhiên liệu 280.0 lít
Nước làm mát động cơ 19.0 lít
Nhớt động cơ 15.8 lít
Bộ giảm tốc quay toa 3.2 lít
Hộp số di chuyển (mỗi bên) 4.0 lít
Hệ thống thủy lực 170.0 lít
Thùng nhớt thủy lực 70.0 lít

PHẠM VI LÀM VIỆC



*Thông số kỹ thuật thiết bị có thể thay đổi mà không báo trước.

